

Số: 03/2022/NQ-HĐND

Cao Bằng, ngày 25 tháng 5 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Quy định về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia
xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021 - 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG
KHÓA XVII KỲ HỌP THỨ 7 (CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội khóa XV về phê duyệt chủ trương đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Thực hiện Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số 1135/TTr-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về dự thảo Nghị quyết quy định về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021-2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này quy định mục tiêu, nhiệm vụ; lồng ghép nguồn vốn trong thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; huy động và sử dụng nguồn vốn; nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương; tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021-2025 (sau đây gọi tắt là *Chương trình*).

2. Là một căn cứ để lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm nguồn ngân sách Nhà nước của Chương trình cho các cấp, các ngành và đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh, đồng thời là căn cứ để quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm của Chương trình.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến việc lập, thực hiện kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình.

Điều 3. Mục tiêu, nhiệm vụ thực hiện Chương trình

1. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung

Tiếp tục triển khai Chương trình gắn với thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn, quá trình đô thị hóa đi vào chiều sâu, hiệu quả, bền vững; thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu và nông thôn mới cấp xóm. Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn, thúc đẩy bình đẳng giới. Xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn đồng bộ và từng bước hiện đại, bảo đảm môi trường, cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn, giàu bản sắc văn hoá truyền thống, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.

b) Mục tiêu cụ thể đến năm 2025

- Phấn đấu 02 huyện đạt chuẩn nông thôn mới;
- Phấn đấu 50 xã trở lên đạt chuẩn nông thôn mới, Trong đó: 10 xã trở lên đạt nông thôn mới nâng cao và 05 xã trở lên đạt nông thôn mới kiểu mẫu;
- Không còn xã dưới 15 tiêu chí;
- 30% số xóm đạt chuẩn nông thôn mới (*không bao gồm xóm thuộc thị trấn*);
- Thu nhập bình quân của người dân nông thôn tăng ít nhất 1,5 lần so với năm 2020.

2. Nhiệm vụ thực hiện

a) Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch nhằm nâng cao đời sống kinh tế - xã hội nông thôn gắn với quá trình đô thị hoá.

b) Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền.

c) Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm nâng cao giá trị gia tăng, phù hợp với quá trình chuyển đổi số, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển mạnh ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp ở nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn, góp phần nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững.

d) Giảm nghèo bền vững.

đ) Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn.

e) Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững gắn với phát triển du lịch nông thôn.

g) Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục kiến trúc, cảnh quan truyền thống của nông thôn trên địa bàn tỉnh.

h) Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; nâng cao chất lượng hoạt động của chính quyền cơ sở; thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong nông thôn mới, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số, xây dựng nông thôn mới thông minh; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân; tăng cường giải pháp nhằm đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới.

i) Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới.

k) Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn.

l) Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng nông thôn mới; truyền thông về xây dựng nông thôn mới; thực hiện Phong trào thi đua "Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới".

Điều 4. Cơ chế thực hiện Chương trình

1. Cơ chế hỗ trợ

a) Hỗ trợ 100% từ ngân sách nhà nước để thực hiện các nội dung sau:

Rà soát, điều chỉnh lập mới quy hoạch cấp xã và vùng huyện; công tác tuyên truyền; đào tạo, tập huấn, phổ biến kiến thức, nâng cao năng lực cho cộng đồng, người dân và cán bộ các cấp, kinh phí quản lý thực hiện Chương trình các cấp; nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của chính quyền, đoàn thể, tổ chức chính trị

- xã hội trong xây dựng nông thôn mới; thực hiện các phong trào thi đua trong xây dựng nông thôn mới.

Đào tạo nghề cho lao động nông thôn (*Không bao gồm đối tượng thuộc địa bàn của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi giai đoạn 2021-2030*).

b) Ngân sách Nhà nước hỗ trợ một phần từng nội dung cụ thể, phần còn lại huy động từ các tổ chức kinh tế, nhân dân và huy động hợp pháp khác, nội dung hỗ trợ như sau:

Hỗ trợ không quá 98% tổng mức đầu tư của công trình, dự án/chương trình/kế hoạch được phê duyệt đối với các nội dung sau: 1) Trường học; 2) Trạm y tế xã; 3) Phát triển mạng lưới y tế cơ sở; 4) Cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở; 5) Hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ cho quá trình ứng dụng công nghệ số và chuyển đổi số ở nông thôn; 6) Cơ sở hạ tầng bảo vệ môi trường nông thôn; các công trình xử lý môi trường cấp xã, xóm, cải tạo nghĩa trang, cải tạo cảnh quan nông thôn, phát triển du lịch nông thôn; 7) Trung tâm thể thao, nhà văn hóa xã; 8) Các công trình cấp nước sinh hoạt; 9) Hỗ trợ đầu tư sửa chữa, cải tạo, mở rộng cơ sở vật chất, nhà xưởng, phòng học, mua sắm thiết bị đào tạo, phương tiện vận chuyển đào tạo lưu động và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo cho các cơ sở giáo dục chuyên nghiệp thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn;

Hỗ trợ không quá 95% tổng mức đầu tư của công trình, dự án/chương trình/kế hoạch được phê duyệt đối với các nội dung sau: 1) Xây dựng và nâng cấp đường giao thông đến trung tâm xã, đường giao thông xóm, giao thông nội đồng; 2) Xây dựng và nâng cấp hệ thống thủy lợi nội đồng; hạ tầng thiết yếu phục vụ phòng chống thiên tai của xã; 3) Hệ thống lưới điện nông thôn; 4) Hạ tầng các khu sản xuất tập trung, tiểu thủ công nghiệp, thủy sản; 5) Trung tâm kỹ thuật nông nghiệp; 6) Đảm bảo tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân, thúc đẩy bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; 7) Cải thiện tình trạng dinh dưỡng cho trẻ em và nâng cao chất lượng khám chữa bệnh cho người dân nông thôn; 8) Các mô hình an ninh trật tự, hỗ trợ camera an ninh ở xã, xóm; 9) Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, chợ an toàn thực phẩm cấp xã theo quy định;

Hỗ trợ không quá 90% tổng mức đầu tư của công trình, dự án/chương trình/kế hoạch được phê duyệt đối với các nội dung sau: 1) Khu thể thao, nhà văn hóa xóm; 2) Thực hiện thông báo và gắn biển địa chỉ số cho từng hộ gia đình và các cơ quan, tổ chức trên địa bàn nông thôn gắn với bản đồ số Việt Nam; 3) Phát triển kinh tế nông thôn, phát triển sản xuất liên kết chuỗi, truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã, huyện, tỉnh, chứng nhận VietGap (*hoặc chứng chỉ tương đương*), gắn mã vùng trồng; 4) Nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm; 5) Đào tạo, nâng cao năng lực cho cán bộ hợp tác xã; 6) Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã khởi nghiệp, sáng tạo trong cơ cấu lại ngành nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn; 7) Tổ chức triển khai Chương trình OCOP và hỗ trợ các chủ thể phát triển sản phẩm OCOP;

c) Hỗ trợ các huyện phân đầu đạt chuẩn nông thôn mới thực hiện các nội dung sau: Hoàn thành hạ tầng cấp thiết kết nối xã, huyện; hạ tầng phục vụ cho các hoạt động của cộng đồng; phát triển y tế; công trình xử lý, thu gom rác thải sinh hoạt, chất thải; nước sạch tập trung; xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề, Chương trình OCOP; hạ tầng thương mại. Trong đó:

- Ngân sách trung ương hỗ trợ tối đa cho một công trình, dự án/chương trình/kế hoạch không quá 70% tổng mức đầu tư của công trình xây dựng hoặc dự án/chương trình/kế hoạch được phê duyệt.

- Ngân sách tỉnh hỗ trợ cho một công trình, dự án/chương trình/kế hoạch bằng 20% tổng mức đầu tư của công trình xây dựng hoặc dự án/chương trình/kế hoạch được phê duyệt.

- Ngân sách huyện hỗ trợ và huy động từ đóng góp của nhân dân hoặc các nguồn hợp pháp khác cho một công trình, dự án/chương trình/kế hoạch bằng 10% tổng mức đầu tư của công trình xây dựng hoặc dự án/chương trình/kế hoạch được phê duyệt với tỷ lệ đóng góp cho từng loại công trình, dự án như sau:

+ Hoàn thành hạ tầng cấp thiết kết nối xã, huyện; Nước sạch tập trung; Xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề: Ngân sách huyện 05%; huy động từ đóng góp của nhân dân hoặc các nguồn hợp pháp khác 05%.

+ Hạ tầng phục vụ cho các hoạt động của cộng đồng; Phát triển y tế; Công trình xử lý, thu gom rác thải sinh hoạt, chất thải: Ngân sách huyện 08%; huy động từ đóng góp của nhân dân hoặc các nguồn hợp pháp khác 02%.

+ Chương trình OCOP: Ngân sách huyện 0%; huy động từ đóng góp của chủ thể OCOP hoặc các nguồn hợp pháp khác 10%.

+ Các công trình khác để thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu: Ngân sách huyện 05%; huy động từ đóng góp của nhân dân hoặc các nguồn hợp pháp khác 05%.

2. Cơ chế đầu tư thực hiện các công trình, dự án thuộc Chương trình

a) Chủ đầu tư các dự án xây dựng nông thôn mới

Đối với các dự án xây dựng công trình cơ sở hạ tầng trên địa bàn xã: Ủy ban nhân dân xã là chủ đầu tư. Đối với các công trình có yêu cầu kỹ thuật cao, đòi hỏi có trình độ chuyên môn xã không đủ năng lực và không nhận làm chủ đầu tư thì Ủy ban nhân dân cấp huyện giao cho một đơn vị có đủ năng lực làm chủ đầu tư và có sự tham gia của Ủy ban nhân dân xã.

Đối với các dự án xây dựng công trình cơ sở hạ tầng quy mô cấp huyện, liên xã: Ủy ban nhân dân tỉnh lựa chọn chủ đầu tư đảm bảo có đủ năng lực, phù hợp với tính chất, quy mô, đối tượng, để thực hiện.

b) Cơ chế đầu tư

Đối với các dự án đầu tư xây dựng quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp thực hiện cơ chế đặc thù theo quy định tại Nghị định số 27/2022/QĐ-TTg ngày

19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

Đối với các dự án khác thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.

3. Lòng ghép nguồn vốn trong thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia

a) Nguyên tắc lòng ghép nguồn vốn trong thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia

- Lòng ghép nguồn vốn để thực hiện các dự án đầu tư, hoạt động, nội dung có cùng mục tiêu và trên cùng một địa bàn cấp xã, cấp huyện.

- Đảm bảo không làm thay đổi các mục tiêu, nhiệm vụ của từng chương trình, dự án; giảm thiểu chồng chéo, trùng lặp về phạm vi, đối tượng, nội dung; tránh dàn trải, lãng phí trong sử dụng vốn.

- Quá trình lòng ghép phải được thực hiện đồng bộ từ khâu xây dựng chính sách, lập kế hoạch, phân bổ, giao dự toán ngân sách và sử dụng, thanh toán, quyết toán nguồn vốn.

- Tập trung lòng ghép các nguồn vốn thực hiện nội dung, hoạt động trên địa bàn các huyện nghèo; xã, xóm đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Xác định rõ tỷ lệ huy động, đóng góp vốn từng chương trình, dự án được lòng ghép; thống nhất định mức chi theo từng nội dung, hoạt động được lòng ghép; thống nhất quy trình, thủ tục thanh toán, quyết toán vốn lòng ghép phù hợp với thực tế tại địa phương.

- Phân công, phân cấp rõ trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp trong thực hiện hoạt động lòng ghép.

b) Nội dung thực hiện lòng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia và từ các chương trình, dự án khác

- Dự án đầu tư.

- Hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Hoạt động đào tạo nâng cao kỹ năng nghề nghiệp, đào tạo nghề, tập huấn nâng cao năng lực quản lý, tổ chức thực hiện; thông tin, tuyên truyền về các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Hoạt động kiểm tra, đánh giá, hội nghị triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia các cấp.

- Các nội dung khác thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia (nếu có).

4. Cơ chế huy động các nguồn lực thực hiện Chương trình

a) Cấp tỉnh, huyện bố trí đủ hoặc vượt mức tối thiểu tỷ lệ vốn đối ứng thực hiện Chương trình theo quy định.

b) Các huyện phân đấu tăng thu ngân sách để bố trí đủ vốn đối ứng thực hiện Chương trình.

- c) Thực hiện hiệu quả chính sách tín dụng đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn.
- d) Tăng cường vận động các tổ chức kinh tế hỗ trợ các địa phương (*huyện, xã*) thực hiện xây dựng nông thôn mới. Khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn.
- đ) Vận động người dân tiếp tục tham gia đóng góp xây dựng nông thôn mới theo nguyên tắc tự nguyện cho từng dự án, nội dung cụ thể. Việc đóng góp xây dựng công trình kết cấu hạ tầng nông thôn theo phương thức tự nguyện thông qua các hình thức như: Ngày công lao động, tiền, nguyên vật liệu, máy móc thiết bị, quyền sử dụng đất. Việc sử dụng nguồn lực do nhân dân trong xóm, xã đóng góp phải được báo cáo Ủy ban nhân dân xã để trình Hội đồng nhân dân xã thông qua trước khi thực hiện.
- e) Huy động đóng góp từ cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang cấp tỉnh, huyện, cán bộ chuyên trách các xã, phường, thị trấn (*kể cả các cơ quan Trung ương đóng tại địa phương*) hưởng ứng và ủng hộ Phong trào "Cao Bằng chung tay xây dựng nông thôn mới".

5. Cơ chế quản lý, điều hành thực hiện Chương trình: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 27/2022/QĐ-TTg ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

Điều 5. Nguyên tắc, tiêu chí, định mức và phương án phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước

1. Nguyên tắc phân bổ
- a) Nguồn ngân sách nhà nước phân bổ cho các sở, ban, ngành, huyện, xã thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; bảo đảm công bằng, công khai, minh bạch và tuân thủ theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan.
- b) Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững; bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho sở, ban, ngành và chính quyền địa phương.
- c) Ưu tiên hỗ trợ cho các xã chưa đạt chuẩn nông thôn mới, nhất là các xã an toàn khu (*trừ các xã an toàn khu khu vực I, khu vực II, khu vực III vùng dân tộc thiểu số và miền núi đã được bố trí vốn ngân sách trung ương của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi giai đoạn 2021-2030*), xã đạt dưới 15 tiêu chí; huyện Hòa An, huyện Quảng Hòa phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới.
- d) Hỗ trợ các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới tiếp tục hoàn thiện các tiêu chí để nâng cao chất lượng tiêu chí, bảo đảm đạt tiêu chí nông thôn mới một cách bền vững.
- đ) Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố cân đối ngân sách địa phương và huy động các nguồn lực hợp pháp để thực hiện mục tiêu đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu.

e) Bố trí ngân sách Nhà nước hỗ trợ thực hiện Chương trình chuyên đề được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn vay vốn Ngân hàng Phát triển Châu Á (*sau đây gọi tắt là Chương trình vay vốn ADB*); các nhiệm vụ đột xuất, phát sinh được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong quá trình triển khai Chương trình.

g) Bố trí vốn ngân sách Nhà nước cho các sở, ban, ngành để thực hiện công tác quản lý chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức triển khai các nội dung thành phần của Chương trình, các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Tiêu chí, hệ số phân bổ vốn ngân sách trung ương năm 2021 (*chuyển sang thực hiện năm 2022 theo cơ chế giai đoạn 2016-2020*). Hệ số phân bổ vốn ngân sách trung ương cho các huyện thực hiện Chương trình (*căn cứ số xã tính đến hết năm 2021*) như sau:

a) Xã đạt dưới 15 tiêu chí: Hệ số 2,0.

b) Các xã đạt từ 15 tiêu chí trở lên: Hệ số 1,3.

c) Các xã còn lại, không thuộc đối tượng ưu tiên nêu trên (*bao gồm cả các xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, để tiếp tục nâng cao chất lượng các tiêu chí và đạt chuẩn bền vững*): Hệ số 1,0.

3. Tiêu chí, hệ số phân bổ vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2022-2025

a) Tiêu chí, hệ số phân bổ đối tượng xã

- Xã đạt dưới 15 tiêu chí, các xã an toàn khu chưa đạt chuẩn nông thôn mới: Hệ số 5,0.

- Xã đạt từ 15 đến 18 tiêu chí: Hệ số 3,0.

- Xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới: Hệ số 1,0.

- Căn cứ số xã tính đến năm 2021 (*trừ các xã đặc biệt khó khăn*) xem xét bổ sung cho các xã thuộc diện sáp nhập (*từ 02 xã sáp nhập thành 01 xã*) với hệ số tăng thêm 50% (*0,5 lần*) so với xã không thuộc diện sáp nhập.

b) Tiêu chí, hệ số phân bổ đối tượng huyện

Ngân sách nhà nước hỗ trợ các huyện phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới tập trung hoàn thành tiêu chí huyện nông thôn mới giai đoạn 2021-2025: Hệ số 20,0.

c) Tiêu chí phân bổ cho các chương trình chuyên đề, Chương trình vốn vay ADB: Thực hiện theo chỉ đạo của Chính phủ và hướng dẫn của các bộ, ngành trung ương.

4. Định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương

Căn cứ tổng mức vốn được hỗ trợ từ ngân sách trung ương giao, Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng phương án phân bổ theo tổng hệ số điểm của các tiêu chí trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

5. Quy định tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương

a) Hằng năm, ngân sách cấp tỉnh đối ứng tối thiểu 3,5% tổng vốn ngân sách trung ương hỗ trợ trực tiếp thực hiện Chương trình cho tỉnh.

b) Hằng năm, ngân sách cấp huyện, thành phố bố trí đối ứng tối thiểu 1,5% tổng vốn ngân sách trung ương hỗ trợ trực tiếp thực hiện Chương trình cho huyện, Thành phố.

Điều 6. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 7. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khóa XVII, kỳ họp thứ 7 (*chuyên đề*) thông qua ngày 25 tháng 5 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày thông qua. /*gh*

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: KH&ĐT; Tài chính; NN&PTNT;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Huyện ủy, Thành ủy, HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Trung tâm thông tin - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Triệu Đình Lê